

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Y học

Chuyên ngành: Kỹ thuật Y học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN TRỌNG TUỆ

2. Ngày tháng năm sinh: 05/ 11/ 1978; Nam ☒; ☐ Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: Đình Xuyên, Gia Lâm, Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P912, Lô II, 151A Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: TS. Nguyễn Trọng Tuệ, Đại học Y Hà Nội

Điện thoại di động: 0902185488

E-mail: trongtue@hmu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 5/2000 đến 2/2019: Nghiên cứu viên tại Labo Trung tâm Y sinh học/Trung tâm Nghiên cứu Gen-Protein, Trường Đại học Y Hà Nội.
- Từ 10/2008 đến 3/2011: Nghiên cứu sinh tại Học viện công nghệ Kyoto, Nhật Bản
- Từ 2/2019-10/2019: Nghiên cứu viên chính, Khoa Kỹ thuật Y học, Trường Đại học Y Hà Nội.

- Từ 10/2019 đến nay: Giảng viên chính, Khoa Kỹ thuật Y học, Trường Đại học Y Hà Nội
- Từ 9/2016 đến 10/2019: Giảng viên thỉnh giảng, khoa Kỹ thuật Y học, Trường Đại học Y Hà Nội.
- Từ 3/2021 đến nay: Trưởng bộ môn Khoa học xét nghiệm, khoa Kỹ thuật Y học, Trường Đại học Y Hà Nội.
- Từ tháng 4 năm 2024 đến nay: Phó Khoa kỹ Kỹ thuật Y học, Trường Đại học Y Hà Nội.

Chức vụ hiện nay: Trưởng bộ môn Khoa học xét nghiệm Giảng viên, Trường Đại học Y Hà Nội;

Chức vụ cao nhất đã qua: ...

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Y Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: số 1, phố Tôn Thất Tùng, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 3852 3798

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm.....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có) :.....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 23 tháng 6 năm 2000; số văn bằng: c217317; ngành: Công nghệ sinh học; Nơi cấp bằng đại học: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Việt Nam
- Được cấp bằng Thạc sỹ ngày 15 tháng 3 năm 2005; số văn bằng QM 001584; Nơi cấp bằng đại học: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Việt Nam.
- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 25 tháng 3 năm 2011; số văn bằng: *Haku Ko Dai 590 go*; ngành: Công nghệ sinh học; Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Học viện công nghệ Kyoto, Kyoto, Nhật Bản

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ...tháng ... năm..., ngành.....:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐPGS cơ sở: Trường Đại học Y Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐPGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu: 02 hướng nghiên cứu

- Hướng nghiên cứu 1: Ứng dụng sinh học phân tử và mô hình ruồi giấm trong nghiên cứu cơ chế bệnh sinh và sàng lọc dược liệu
- Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng trong xét nghiệm y học

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn: 01 NCS bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ
- Đã hướng dẫn :15 Học viên cao học (trong đó hướng dẫn chính 12 HVCH) bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: gồm 10 đề tài
 - + Tham gia 02 đề tài cấp Nhà nước, là thư ký khoa học 01 đề tài quỹ Nafosted, là nghiên cứu viên chính 02 đề tài quỹ Nafosted, 01 đề tài cấp thành phố, 03 đề tài cấp sơ sở và 01 đề tài tiềm năng cấp Trường.
 - + **Trong đó chủ nhiệm 03 đề tài cấp cơ sở** và 01 đề tài tiềm năng cấp Trường
- Đã công bố tổng cộng 53 bài báo, gồm 13 bài được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín nằm trong danh mục ISI/SCOPUS, trong đó có **08 bài là tác giả chính** (tác giả đầu/tác giả liên hệ).
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Chủ biên 01 cuốn sách giáo trình thuộc nhà xuất bản Y học.
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- 01 chiến sĩ thi đua Bộ Y tế (2023)
- 02 giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội về đạt giải thưởng Đặng Văn Ngữ (2010, 2017)

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Trong thời gian giảng dạy và nghiên cứu tại Trường Đại học Y Hà Nội, tôi tự nhận thấy có đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo và đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định, cụ thể là:

- Trung thành với Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa, luôn chấp hành nghiêm mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, qui định của Nhà trường.
- Là một cán bộ giảng dạy có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, trung thực, lối sống khiêm tốn và giản dị, có tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết với đồng nghiệp, hoà đồng với học viên và sinh viên. Luôn chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức cho học viên, sinh viên và đồng nghiệp.
- Bản thân luôn tích cực rèn luyện đạo đức, tác phong, tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Tham gia công tác quản lý giảng dạy ở bộ môn, quản

lý khoa học và công nghệ, hoạt động chuyên môn chuyên ngành xét nghiệm Y học theo sự phân công của Nhà trường.

- Chuẩn bị bài đầy đủ khi lên lớp và lên lớp đúng giờ. Giảng dạy có chất lượng tốt, được đồng nghiệp, học viên và sinh viên quý mến, tin tưởng. Hoàn thành định mức giờ giảng hàng năm theo quy định, tích cực hướng dẫn học viên sau đại học và thực hiện nghiên cứu khoa học. Kết hợp tốt giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, có nhiều đóng góp xây dựng đơn vị và Nhà trường.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 8 năm 6 tháng.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020			03 ThS	02 KLTN	78,7	270,6	349,1/429,3/320
2	2020-2021		01	03 ThS	03 KLTN	48,7	220,4	269,1/347,4/320
3	2021-2022			03 ThS	02 KLTN	97,6	284,4	382/472/320
03 năm học cuối								
4	2022-2023			01 ThS		47	414	461/491/310
5	2023-2024			02 ThS	03 KLTN	75	240	315/490/310
6	2024-2025			02 ThS		103	235	338/438/310

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Bảo vệ luận án TS ☒ ; tại nước: Nhật Bản năm 2010

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường Đại học cấp bằng tốt nghiệp: Trường Đại học Ngoại ngữ; số bằng: QC 031975; năm cấp: 2005

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam – Chương trình Cử nhân Điều dưỡng Tiên tiến.

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng Cử nhân Tiếng Anh, số hiệu QC 031975, Cấp bởi trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia, năm cấp 2005

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Đỗ Đăng Bảo	NCS			x	2018-2021	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 973/QĐ-ĐHYHN ngày 6/5/2021
2	Trần Quốc Đạt		HVCH	x		2017-2019	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	QĐ số 1141/QĐ-ĐHKHTN ngày 14/5/2020
3	Vũ Thị Huyền Uyên		HVCH	x		2017-2019	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 6830/QĐ-ĐHYHN ngày 16/12/2019
4	Bùi Thị Nga		HVCH	x		2017-2019	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 6830/QĐ-ĐHYHN ngày 16/12/2019
5	Hà Huy Hoàng Quân		HVCH	x		2017-2019	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 6830/QĐ-ĐHYHN ngày 16/12/2019

6	Phạm Văn Chiền		HVCH		x	2018-2020	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 84/QĐ-ĐHYHN ngày 15/1/2021
7	Phùng Khắc Bắc Linh		HVCH		x	2018-2020	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 84/QĐ-ĐHYHN ngày 15/1/2021
8	Nguyễn Khắc Quân		HVCH	x		2018-2020	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 84/QĐ-ĐHYHN ngày 15/1/2021
9	Mạc Thị Tịnh		HVCH		x	2019-2021	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 386/QĐ-ĐHYHN 28/02/2022
10	Bùi Văn Hoàng		HVCH	x		2019-2021	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 386/QĐ-ĐHYHN 28/02/2022
11	Trịnh Trần Thái		HVCH	x		2019-2021	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 386/QĐ-ĐHYHN 28/02/2022
12	Nguyễn Tổng Thống		HVCH	x		2020-2022	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 136/QĐ-ĐHYHN 16/01/2023
13	Nguyễn Văn Huy		HVCH	x		2021-2023	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 7173/QĐ-ĐHYHN 29/12/2023
14	Trần Ngọc Ánh		HVCH	x		2021-2023	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 7173/QĐ-ĐHYHN 29/12/2023
15	Đỗ Xuân Lộc		HVCH	x		2022-2024	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 86/QĐ-ĐHYHN 14/01/2025
16	Đỗ Thủy Dung		HVCH	x		2022-2024	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 86/QĐ-ĐHYHN 14/01/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Kỹ thuật và thiết bị xét nghiệm Y học	Giáo trình	Nhà xuất bản Y học, 2023	18	-PGS. TS Đặng Thị Ngọc Dung -TS. Nguyễn Trọng Tuệ	79-118 201-229	Trường Đại học Y Hà Nội; QĐ số 1569/QĐ- ĐHYHN ngày 10/6/2022

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS: **sách – số thứ tự**.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Sau khi được công nhận Tiến sĩ					
1	Nghiên cứu xây dựng quy trình điều trị gen cho bệnh loạn dưỡng cơ Duchene	Tham gia	KC.04.08/11-15; Cấp Nhà nước	10/2012- 11/2015	QĐ số 3475/QĐ- BKHCN; ngày 3/12/2015 Loại Khá
2	Xây dựng quy trình chẩn đoán làm tổ bằng kỹ thuật Microsatellite DNA để sàng lọc một số bệnh lý di truyền liên kết nhiễm sắc thể giới tính	Tham gia	KC.04.17/11-15; Cấp Nhà nước	1/2014 - 3/2016	QĐ số 974/QĐ- BKHCN; ngày 27/4/2016 Loại Khá

3	Ứng dụng mô hình <i>Drosophila</i> trong nghiên cứu bệnh thoái hoá thần kinh.	CN	Cơ sở Trường Đại học Y Hà Nội	6/2015-12/2015	QĐ số 767/QĐ-ĐHYHN, ngày 19/4/2016 Loại Khá
4	Nghiên cứu mức độ phiên mã gen <i>gas5</i> trong ung thư biểu mô dạ dày	CN	Cơ sở Trường Đại học Y Hà Nội	8/2016-7/2018	Xác nhận KQ, ngày 11/7/2018 Loại Khá
5	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử xác định đột biến gen <i>CYP1B1</i> trong bệnh Glômcom bẩm sinh nguyên phát tại Hà Nội	Tham gia	Số: 38/2016/HĐ-SKH&CN; Cấp Sở KHCN Hà Nội	1/2017-9/2018	QĐ số 619/QĐ-SKH&CN; ngày 28/9/2018 Loại Xuất sắc
6	Nghiên cứu vai trò của gen <i>ABCC</i> liên quan đến hội chứng tự kỷ bằng mô hình ruồi giấm và ứng dụng mô hình này trong sàng lọc dược liệu	CN	Cơ sở Trường Đại học Y Hà Nội	11/2019 - 10/2020	QĐ số 410/QĐ-ĐHYHN, ngày 5/3/2021 Loại Đạt
7	Nghiên cứu tác dụng hỗ trợ/điều trị bệnh tự kỷ của một số dược liệu Việt Nam và cơ chế liên quan	Tham gia	108.05-2018.319; Quỹ phát triển KHCN Quốc gia, Cấp Bộ KHCN	5/2018-7/2022	QĐ số 259/QĐ-HĐQL-NAFOSTED; ngày 31/12/2019, họp ngày 29/7/2022 Loại Đạt
8	Nghiên cứu ảnh hưởng của methyl-paraben và propylene glycol đến sức khoẻ sinh sản trên mô hình ruồi giấm thực nghiệm	CN	Cơ sở Trường Đại học Y Hà Nội	5/2022-12/2022	QĐ số 6638/QĐ-ĐHYHN, ngày 4/12/2023 Loại Khá
9	Nghiên cứu miễn dịch tế bào kiểm soát các dạng ung thư gây ra bởi virus EBV thông qua thụ thể NKG2D.	Tham gia	108.02-2018.312; Quỹ phát triển KHCN Quốc gia, Cấp Bộ KHCN	4/2018-3/2023	QĐ số 77/QĐ-HĐQL-NAFOSTED; ngày 29/12/2022, họp ngày 21/6/2023 Loại Đạt

10	Nghiên cứu tương quan giữa kiểu gen <i>HLA-DQ</i> , <i>HLA-DP</i> , <i>TERT</i> , <i>CTNNB1</i> và đặc điểm miễn dịch tế bào T với nguy cơ phát triển ung thư biểu mô tế bào gan và xơ gan liên quan HBV ở Việt Nam.	TK	108.02-2019.307; Quỹ phát triển KHCN Quốc gia, Cấp Bộ KHCN	4/2019-3/2025	QĐ số 02/QĐ-HĐQL-NAFOSTED; ngày 12/5/2025, họp ngày 6/6/2025 Loại Đạt
----	--	----	---	---------------	--

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Hướng nghiên cứu 1: Ứng dụng sinh học phân tử và mô hình ruồi giấm trong nghiên cứu cơ chế bệnh sinh và sàng lọc dược liệu								
A. Trước khi được công nhận Tiến sĩ								
Các bài báo quốc tế								
1	Role of DREF in transcriptional regulation of the <i>Drosophila</i> p53 gene	3	✓	<i>Oncogene</i> ISSN: 0950-9232	ISI (IF 2010 = 7.135) Q1DOI: 10.1038/onc.2009.483	18	Tập: 29; số: 14; trang: 2060-2069	1/2010
2	NF-Y transcriptionally regulates the <i>Drosophila</i> p53 gene	3	✓	<i>Gene</i> ISSN: 0378-1119	ISI (IF 2011 = 2.270) Q2DOI: 10.1016/j.gene.2010.10.009	14	Tập: 473; số: 1; trang: 1-7	2/2011

Các bài báo trong nước								
3	Giải trình tự gen FLIC ở <i>Salmonella typhi</i> , S. Paratyphi A, S. Paratyphi B, S. Paratyphi C, S. Typhimurium và ứng dụng PCR để phân biệt các loài này	2	✓	<i>Tạp chí Y học dự phòng</i> ISSN: 0868 – 2836			Tập: XV; số: 5(76); trang: 36-41	10/2005
4	Nghiên cứu biểu hiện proinsulin người trên vector pET-28A(+) trong tế bào <i>Escherichia coli</i> BL21 (DE3).	4	✓	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i> ISSN: 2354-080X			Tập: 48; số 2; trang: 11-15	2/2007
5	Nghiên cứu một số điều kiện tối ưu trong biểu hiện proinsulin người tái tổ hợp ở hệ <i>E.coli</i> BL21(DE3) với vector pET-28(+).	3		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i> ISSN: 2354-080X			Tập: 53; số 1; trang: 56-61	1/2008
B. Sau khi được công nhận Tiến sĩ								
Các bài báo quốc tế								
6	Effect of aB-crystallin on protein aggregation in <i>Drosophila</i>	4	✓	<i>Journal of Biomedicine and Biotechnology</i> ISSN: 1110-7243	ISI (IF 2012 = 2.880) DOI: Q2 10.1155/2012/252049	34	Tập: 2012	3/2012
7	<i>Drosophila</i> DREF Acting Via the JNK Pathway Is Required for Thorax Development	7		<i>Genesis</i> ISSN: 1526-954X	ISI (IF 2012 = 2.209) Q3 DOI: 10.1002/dvg.22017	9	Tập: 50; số: 8; trang: 599-611	8/2012
8	dNF-YB plays dual roles in cell death and cell differentiation during <i>Drosophila</i> eye development.	6		<i>Gene</i> ISSN: 0378-1119	ISI (IF 2013 = 2.196) Q2 DOI: 10.1016/j.gene.2013.02.036	30	Tập: 520; số: 2; trang: 106-118	3/2013

9	DREF plays multiple roles during <i>Drosophila</i> development	6	✓	<i>Biochimica et Biophysica Acta</i> ISSN: 1874-9399	ISI (IF 2017 = 5,179) Q1 DOI: 10.1016/j.bbagr.2017.03.004	23	Tập: 6; trang: 705-712	1/2017
10	Insights from <i>Drosophila melanogaster</i> model of Alzheimer's disease	5	✓	<i>Biochim Biophys Acta</i> ISSN: 1874-9399	ISI (IF 2020 = 4.490) Q1 DOI: 10.2741/4798	35	Tập: 25; số: 1; trang: 134-146	1/2020
11	Ilex kudingcha C.J. Tseng Mitigates Phenotypic Characteristics of Human Autism Spectrum Disorders in a <i>Drosophila Melanogaster</i> Rugose Mutant	10		<i>Neurochemical Research</i> ISSN: 0364-3190	ISI (IF 2021 = 4.414) Q2 DOI: 10.1007/s11064-021-03337-7	6	Tập: 46; trang: 1995-2007	5/2021
12	Genetic analysis of 55 Northern Vietnamese patients with Wilson disease: 7 novel mutations in ATP7B	9		<i>Journal of Genetics</i> ISSN: 0022-1333	Scopus (IF = 1,1) Q4 DOI: 10.1007/s12041-017-0857-9	12	Tập: 96; số: 6; trang: 933-939	9/2017
13	Investigation of target sequencing of SARS-CoV-2 and immunogenic GWAS profiling in host cells of COVID-19 in Vietnam	11		<i>BMC Infectious Diseases</i> ISSN: 1471-2334	ISI (IF 2022 = 4.200) Q2 DOI: 10.1186/s12879-022-07415-1	6	Tập: 22; số: 558	6/2022
14	A systematic analysis with the hierarchical cluster analysis strategy on the complex interaction of <i>TERT</i> and <i>CTNNB1</i> somatic mutations in Vietnamese hepatocellular carcinoma patients	5	✓	<i>Gene</i> ISSN: 0378-1119	ISI (IF 2024 ≈ 3.2) Q2 DOI: 10.1016/j.gene.2024.148646	1	Tập: 927; số: 148646	6/2024

15	Multi-clustering study on the association between human leukocyte antigen-DP-DQ and hepatitis B virus-related hepatocellular carcinoma and cirrhosis in Viet Nam	5	✓	World Journal of Gastroenterology ISSN: 1007-9327	ISI (IF 2024 = 4.3) Q1 DOI: 10.3748/wjg.v30.i46.4880	4	Tập: 30; số: 46; trang: 4880-4903	12/2024
Các bài báo trong nước								
16	Xác định đột biến đảo đoạn intron 22 trên bệnh nhân hemophillia bằng kỹ thuật inversion PCR	5		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i> ISSN: 2354-080X			Tập: 83; số 3; trang: 14-20	6/2013
17	Định lượng vi khuẩn porphyromonas gingivalis trong viêm nha chu bằng kỹ thuật realtime-PCR	7		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i> ISSN: 2354-080X			Tập: 88; số 3; trang: 17-26	6/2014
18	Đánh giá hiệu quả điều trị bệnh viêm quanh răng mạn tính bằng phương pháp không phẫu thuật	7		<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> ISSN:1859-1868			Tập: 1; số 1; trang: 69-74	1/2015
19	Tính đa hình T6235C của gen CYP1A1 và nguy cơ với bệnh ung thư phổi	7		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i> ISSN: 2354-080X			Tập: 94; số 2; trang: 1-8	6/2015
20	Novel ATP7B mutations in Vietnamese patients with Wilson disease	7	✓	<i>Vietnam Journal of Science</i>			Tập: 2; số 2; trang: 8-11	11/2015
21	Expression of α -synuclein protein of parkinson disease on <i>drosophila model</i> and effect of bacopa monnieri (l.) wettst. on the model	6	✓	<i>Tạp chí Dược liệu</i> ISSN:1859-4735			Tập: 21; số: 3; trang: 164-168	5/2016

22	Expression of long noncoding RNA GAS5 associated with clinic pathologic factors of gastric cancer	7	✓	<i>Journal of medical research</i> ISSN: 2354-080X			Tập: 105 E1; số: 7; trang: 47-56	12/2016
23	Phân tích 87 trường hợp cắt toàn bộ dạ dày điều trị ung thư dạ dày	4	✓	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i> ISSN: 2354-080X			Tập: 119; số: 3; trang: 73-80	4/2019
24	Mối liên quan giữa mức độ biểu hiện gen GAS5 với đặc điểm giải phẫu bệnh và kết quả sau mổ ung thư biểu mô dạ dày	4	✓	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i> ISSN: 2354-080X			Tập: 121; số: 5; trang: 1-10	8/2019
25	Nghiên cứu sàng lọc tác dụng của một số cao chiết dược liệu trên mô hình ruồi giấm tự kỷ thực nghiệm	11		<i>Tạp chí Dược liệu</i> ISSN:1859-4735			Tập: 25; số: 2; trang: 67-74	2/2020
26	Giảm biểu hiện gen ABCC4 (ATP-binding cassette subfamily C) liên quan đến rối loạn tự kỷ trên mô hình ruồi giấm	2		<i>Tạp chí Khoa học Việt Nam</i> ISSN:1859-4794			Tập: 62; số: 7B; trang: 40-45	7/2020
27	Mô hình biểu hiện beta-secretase gây suy giảm trí nhớ trên ruồi giấm	3	✓	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i> ISSN: 2354-080X			Tập: 133; số: 9; trang: 1-	11/2020
28	Rối loạn khả năng vận động trên mô hình ruồi giấm biểu hiện protein alpha-synuclein gây bệnh parkinson	4	✓	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i> ISSN: 2354-080X			Tập: 138; số: 2; trang: 28-36	3/2021
29	Đa hình đơn nucleotide rs2856718 của gen HLA-DQ trên bệnh nhân ung thư biểu mô tế bào gan	5		<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> ISSN:1859-1868			Tập: 508; số 2; trang: 123-127	11/2021

30	Phân lập bacteriophage phân giải vi khuẩn Escherichia coli từ môi trường nước bằng phương pháp vết tan	3	✓	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			Tập: 149; số:1; trang: 10-17	1/2022
31	Ảnh hưởng của thuốc lá điện tử chứa nicotin lên khả năng vận động và sinh sản trên mô hình ruồi giấm thực nghiệm	3	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập: 520; tháng 11-số 2; trang: 266-271	11/2022
32	Nghiên cứu các mối liên quan của các gen huyết khối đối với tình trạng sảy thai tái diễn tại Học viện Quân Y	3		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập: 528; tháng 7-số 1; trang: 122-126	7/2023
33	Ảnh hưởng của ethanol lên quá trình sinh trưởng và phát triển trên mô hình ruồi giấm	4	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập: 530; số 2; trang: 108-112	9/2023
34	Ảnh hưởng của Methylparaben đến khả năng sinh sản và tuổi thọ trên mô hình ruồi giấm thực nghiệm	3	✓	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			Tập: 172; số 11; trang: 203-209	11/2023
35	Khảo sát tính toàn vẹn phân tử DNA tự do (ccfDNA) trong máu bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ	6	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			Tập: 535; tháng 2-số 2; trang: 348-353	2/2024
36	Propylene glycol gây ảnh hưởng đến khả năng sinh sản và tuổi thọ trên mô hình ruồi giấm thực nghiệm	4	✓	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			Tập: 178; số 5; trang: 268-275	6/2024

37	Độc tính của nano AgNPs sinh học đến quá trình phát triển trên mô hình ruồi giấm. Tạp chí Nghiên cứu Y học	6	✓	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			Tập: 180; số 7; trang: 256-263	8/2024
38	Khảo sát tính toàn vẹn của ccfDNA ALU-115, ALU-247 ở bệnh nhân ung thư vú	2	✓	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			Tập: 185; số: 12; trang: 16-25	12/2024
39	Ảnh hưởng của tình trạng thiếu ngủ và sử dụng ethanol đối với sức khỏe trên mô hình ruồi giấm	2	✓	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			Tập: 188; số: 3; trang: 1-9	3/2025
40	Ảnh hưởng chlormequat chloride lên khả năng sinh sản, chỉ số sinh trưởng của ruồi giấm	2	✓	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			Tập: 189; số: 4; trang: 90-99	4/2025
41	Vai trò của gen GLRA2 trong mối liên quan đến hội chứng rối loạn phổ tự kỷ trên mô hình ruồi giấm	2	✓	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			Tập: 189; số: 4; trang: 100-109	4/2025
42	Đa hình đơn nucleotide rs2856718 của gen HLA-DQ trên bệnh nhân nhiễm virus viêm gan C	3	✓	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			Tập: 189; số: 4; trang: 46-53	4/2025
43	Độc tính của acetaminophen làm suy yếu sự tăng trưởng và thúc đẩy tái tạo mô mỡ ở mô hình ruồi giấm thực nghiệm	2	✓	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			Tập: 191; số: 6; trang: 386-394	6/2025

Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng trong xét nghiệm y học								
A. Sau khi được công nhận Tiến sĩ								
	Các bài báo quốc tế							
44	Multidimensional machine Learning for Assessing Parameters Associated With COVID-19 in Vietnam: Validation Study	5	✓	<i>JMIR formative research</i> ISSN : 2561-326X	ISI (IF 2023 = 2.0) Q2 DOI: <u>10.2196/42895</u>	8	Tập: 7; e42895	2/2023
	Các bài báo trong nước							
45	Xác nhận độ chụm và độ chính xác của xét nghiệm phát hiện sars-cov-2 bằng phương pháp realtime RT-PCR	6		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i> ISSN: 2354-080X			Tập: 159; số: 11; trang: 20-26	11/2022
46	Đánh giá một số xét nghiệm hóa sinh, huyết học, khí máu và realtime RT-PCR trong điều trị bệnh nhân COVID-19 tại bệnh viện Đại học Y Hà Nội năm 2021	3		<i>Tạp chí Y dược học</i> ISSN: 2734-9209			Tập: ; số: 67; trang: 90-97	2/2023
47	Giá trị của Roma-test trong phát hiện ung thư buồng trứng	3	✓	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i> ISSN: 2354-080X			Tập: 163; số 2; trang:	2/2023
48	Liên quan giữa kết quả mật độ xương và nồng độ canxi máu ở phụ nữ mãn kinh	3		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i> ISSN: 2354-080X			Tập: 183; số: 10; trang: 52-61	10/2024
49	Thiết lập và ứng dụng giá trị thay đổi tham chiếu của hsTNT trong phê duyệt kết quả tự động	3	✓	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i> ISSN: 2354-080X			Tập: 185; số: 12; trang: 1-8	12/2024

50	Đánh giá một số chỉ số chất lượng giai đoạn trước xét nghiệm tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	3	✓	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			Tập: 185; số: 12; trang: 9-15	12/2024
51	Khảo sát nồng độ insulin trên người bệnh đái tháo đường type 2 điều trị ngoại trú trên 5 năm tại bệnh viện Đa khoa Diên Châu năm 2024	4	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 2354-080X			Tập: 549; số: 3; trang: 122-125	4/2025
52	Đánh giá độ chính xác của các xét nghiệm định lượng được phân tích trên hệ thống alinity CI	5	✓	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			Tập: 191; số: 6 Trang: 21-35	6/2025
53	So sánh tương đồng kết quả xét nghiệm một số chỉ số hóa sinh giữa hai máy hóa sinh tự động Olympus AU640 và DxC 700AU	4	✓	Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			Tập: 191; số: 6; trang: 1-11	6/2025

- Trong đó: Số lượng và thứ tự các bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính là 08 bài, theo các thứ tự là: [1], [2], [6], [9], [10], [14], [15], [44].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo trình độ SĐH chuyên ngành Kỹ thuật xét nghiệm Y	Tham gia	QĐ số 3496/QĐ-ĐHYHN ngày 14/9/2022	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 2190 và 2191/QĐ-ĐHYHN, ngày 19/6/2023	
2	Cập nhật chương trình đào tạo Kỹ thuật xét nghiệm Y học trình độ đại học	Tham gia	QĐ số 511/QĐ-ĐHYHN ngày 14/3/2022	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 6908/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo: Đủ

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp: Đủ

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi: Đủ

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH/CK2/BSNT: 12 học viên cao học đã tốt nghiệp

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 03 Đề tài KH&CN cấp cơ sở, 01 đề tài tiềm năng thuộc cấp Trường Đại học Y Hà Nội, là thư kí khoa học của 01 đề tài quỹ Nafosted, là nghiên cứu viên chính của 02 đề tài cấp nhà nước, 02 đề tài quỹ Nafosted và 01 đề tài cấp thành phố, tất cả các đề tài đều đã được nghiệm thu.

- Đã công bố 13 công trình trên các tạp chí quốc tế uy tín, trong đó có 8 công trình khoa học là tác giả chính (tác giả đầu/tác giả liên hệ), trong đó có 06 công trình khoa học được công bố sau tiến sĩ.

- Chủ biên 01 cuốn sách là giáo trình đã được xuất bản.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Nguyễn Trọng Tuệ